

Số: 21/2026/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Biên bản hòa giải thành ngày 23 tháng 01 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 3751/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2025.

XÉT THẤY:

Xét các thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết T bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn: Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam);

Địa chỉ: Tầng 3, Phòng CP1.L01 & CP2.L01, C, số 29 đường L, phường N, Thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Trọng T, là đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 113/LC-SCBVL.25 ngày 09/05/2025.

Bị đơn: Bà Huỳnh T, sinh năm 1982;

Địa chỉ thường trú: 102/12B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: 27/7A5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1950;

Địa chỉ thường trú: 102/12B T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ hiện nay: Số 27/7A5 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Trẻ Huỳnh Minh N, sinh năm 2014;

3. Trẻ Huỳnh Hứa M, sinh năm 2018;

4. Trẻ Huỳnh M, sinh năm 2020;

Người đại diện theo pháp luật của trẻ N, H, T: Bà Huỳnh T (là mẹ ruột);

Địa chỉ: 27/7A5 N, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Huỳnh T xác nhận còn nợ Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) số tiền tạm tính đến ngày 22/01/2026 bao gồm: Nợ gốc: 1.000.970.988 đồng; Nợ lãi trong hạn: 81.617.983 đồng; Nợ lãi quá hạn: 4.750.738 đồng. Tổng cộng: 1.087.339.709 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số: 2022-1195-HCM ngày 30/8/2022: nợ gốc là 965.944.464 đồng; nợ lãi trong hạn là 77.908.098 đồng; nợ lãi quá hạn là 391.978 đồng.

- Đơn đăng ký sản phẩm thẻ tín dụng S ngày 01/02/2023 phát hành thẻ tín dụng số 5161010001308280 cấp ngày 06/02/2023: nợ gốc là 35.026.524 đồng; nợ lãi trong hạn là 3.709.885 đồng; nợ lãi quá hạn là 4.358.760 đồng.

Bà Huỳnh T có trách nhiệm thanh toán khoản tiền này cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) làm 06 (sáu) đợt với phương thức như sau:

Đợt 1: Ngày 02/3/2026: Thanh toán 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng);

Đợt 2: Ngày 02/4/2026: Thanh toán 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng);

Đợt 3: Ngày 02/5/2026: Thanh toán 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng);

Đợt 4: Ngày 02/6/2026: Thanh toán 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng);

Đợt 5: Ngày 02/7/2026: Thanh toán 10.000.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu đồng);

Đợt 6: Ngày 02/8/2026: Thanh toán 1.037.339.709 (bằng chữ: Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, bảy trăm lẻ chín đồng);

Kể từ ngày 23/01/2026, bà Huỳnh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 2022-1195-HCM ngày 30/8/2022 và Đơn đăng ký sản phẩm thẻ tín dụng S ngày 01/02/2023 phát hành thẻ tín dụng số 5161010001308280 cấp ngày 06/02/2023 cho đến khi trả xong T bộ số nợ cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam). Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Sau khi bà Huỳnh T trả hết số nợ cho nêu trên cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) thì Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) phải giải chấp tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 27/7A5 Nguyễn Văn Quá, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận (trước đây là phường Đông Hưng Thuận, Quận 12), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 695, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 460019, số vào sổ cấp GCN: CH00604 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2010.

2.2. Trường hợp, Bị đơn bà Huỳnh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự phát mãi các tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: 27/7A5 Nguyễn Văn Quá, Khu phố 1, phường Đông Hưng Thuận (trước đây là phường Đông Hưng Thuận, Quận 12), Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 695, tờ bản đồ số 04 theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 460019, số vào sổ cấp GCN: CH00604 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2010.

Trong trường hợp phát mãi tất cả tài sản không đủ trả nợ, bà Huỳnh T có trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 2022-1195-HCM ngày 30/8/2022 và Đơn đăng ký sản phẩm thẻ tín dụng S ngày 01/02/2023 phát hành thẻ tín dụng số 5161010001308280 cấp ngày 06/02/2023 cho đến khi trả xong T bộ số nợ.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh T chịu số tiền án phí là 22.310.096 đồng. Trả lại cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là 21.873.306 đồng theo Biên lai số 0024350 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh T tự nguyện chịu và có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân hàng TNHH Một thành viên S (Việt Nam) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng (bằng chữ: hai triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.



THẨM PHÁN

Nguyễn Hồng Anh